TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2020/DS-ST Ngày: 29-12-2020 V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Lê Minh Trí.

2. Ông Lê Anh Nhất.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-DS ngày 15/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: SN 523 đường LS, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Chợ H, xã MN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông C, vắng mặt ông S(Ông S đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 20/10/2016, ông Nguyễn Văn S có vay của ông số tiền 580.000.000đ(năm trăm tám mươi triệu đồng) khi vay tiền có viết giấy vay nợ

với thời hạn vay là 6 tháng, lãi xuất trong hạn là 20%/năm, lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi vay, ông S đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ mà mới trả cho ông được 200.000.000đ. còn lại 380.000.000đ tiền gốc chưa trả và toàn bộ tiền lãi chưa trả cho ông được đồng nào.

Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả số tiền gốc là 380.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày 31/7/2019 là 317.155.556đ. Tổng cả gốc và lãi là 697.155.556đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho ông số tiền gốc là 380.000.000đ và số tiền lãi tính từ ngày 20/01/2017 đến 20/5/2017 là 480.000.000đ x 10%/năm = 16.000.000đ, từ 20/5/2017 đến 20/12/2020 là 380.000.000đ x 10%/năm = 136.166.000đ, tổng tiền lãi là 152.166.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 532.166.000đ. Đối với tiền lãi kể từ ngày 20/12/2020 về sau ông không yêu cầu ông S phải thanh toán.

- Tại bản các tự khai ngày và quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn anh ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ngày 20/10/2016 ông có vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 580.000.000đ, lãi xuất thỏa thuận là 1.000đ/1 triệu/1 ngày thời hạn vay là 6 tháng. Trong thời gian vay, ông đã trả cho ông C 2 lần. Lần thứ nhất vào ngày 20/01/2017 với số tiền 100.000.000đ, lần thứ 2 với số tiền 100.000.000đ vào ngày 20/5/2017. Đến cuối tháng 12/2017 ông đã đến nhà ông C để trả số tiền lãi của 380.000.000đ và 150.000.000đ tiền gốc nhưng do ông C bận bán hàng và vì tin tưởng nhau nên ông không lấy xác nhận mà ông C hứa sẽ ghi vào giấy vay tiền sau.

Nay ông C khởi kiện buộc ông phải trả số tiền gốc là 380.000.000đ và tiền lãi của số tiền gốc này ông không đồng ý vì theo ông thì ông chỉ còn nợ ông C số tiền gốc là 230.000.000đ.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

**** Về tố tụng:***

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn, tuy nhiên bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

**** Về nội dung:***

- Nguyên đơn Nguyễn Văn C trình bày: ngày 20/10/2016 ông Nguyễn Văn S có vay của ông 580.000.000đ lãi suất 20%/năm thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay, ông S đã trả cho ông 2 lần, lần thứ nhất 100.000.000đ vào ngày 20/01/2017, lần thứ hai 100.000.000đ vào ngày 20/5/2017, đối với tiền lãi, ông C chưa trả cho ông đồng nào. Vì vậy ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả số tiền đã vay của ông là 380.000.000đ tiền gốc và số tiền lãi là 152.166.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 516.166.000đ.

Theo bị đơn Nguyễn Văn S trình bày: ông thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 580.000.000đ vào ngày 20/10/2016 lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Sau khi vay tiền, vào ngày 20/01/2017 ông đã trả 100.000.000đ và ngày 20/5/2017 ông đã trả 100.000.000đ. Đến khoảng tháng 12/2017 âm lịch ông đã đến nhà ông C để trả toàn bộ số tiền lãi tính đến tháng 12/2017 và thêm 150.000.000đ tiền gốc. Vì vậy việc ông C yêu cầu ông trả số tiền 380.000.000đ tiền gốc thì ông không đồng ý vì chỉ còn nợ ông C số tiền 250.000.000đ.

**** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án:***

Có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn S có vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 580.000.000đ vào ngày 20/10/2016 thời hạn vay là 06 tháng.

Về lãi suất vay: Ông C cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/1 năm còn ông S lại cho rằng lãi suất là 1.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tuy nhiên cả hai bên đương sự đều không có chứng cứ chứng minh quan điểm của mình. Tại phiên tòa, ông C thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả lãi kể từ 20/01/2017 đến 20/12/2020 với lãi suất 10%/1 năm tương ứng với số tiền gốc còn nợ.

Xét thấy yêu cầu của ông C không vượt quá yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn S đối với phần lãi suất.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của

Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền gốc là 380.000.000đ và số tiền lãi tính từ 20/01/2017 đến 20/5/2017 là 480.000.000đ x 10%/năm x 4 tháng = 16.000.000đ; số tiền lãi từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/12/2020 là 380.000.000đ x 10%/1 năm x 43 tháng = 136.166.000đ. Tổng cả gốc và lãi là: 532.166.000đ

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, vì vậy trả lại số tiền án phí đã nộp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: ngày 20/10/2016 ông S vay ông C 580.000.000đ, đã trả 2 lần được 200.000.000đ. Vì vậy, xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn S có hộ khẩu thường trú tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy việc ông Nguyễn Văn C khởi kiện ông S tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống là đúng với quy định tại a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Nguyễn Văn S không có mặt tại nơi cư trú mà vào tỉnh Đăk Nông ở với con. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã ủy thác cho Tòa án nhân dân TP Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông thực hiện việc thu thập chứng cứ, ông S đã có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và xét xử vắng mặt. Vì vậy không tiến hành hòa giải được giữa các bên đương sự, thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Văn S vắng mặt, tuy nhiên ông S đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông S là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Nội dung vụ án: Ngày 20/10/2016, ông Nguyễn Văn S có vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 580.000.000đ thời hạn vay 06 tháng, khi vay hai bên đương sự có viết giấy vay tiền nhưng không ghi rõ lãi suất vay.

Ông C cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/1 năm nên ông đã viết vào giấy vay tiền. Trong khi đó ông S cho rằng lãi suất mà hai bên thỏa thuận là 1.000đ/1.000.000đ/1 ngày nhưng ông không có căn cứ xuất trình cho Tòa án.

Sau khi vay tiền, ngày 20/01/2017 ông S đã trả được 100.000.000đ tiền gốc, đến ngày 20/5/2017 ông S tiếp tục trả được cho ông C 100.000.000đ tiền gốc.

Quá trình giải quyết, ông C cho rằng ông S không thực hiện việc thỏa thuận, không trả thêm cho ông tiền gốc cũng như tiền lãi. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả số tiền gốc là 380.000.000đ và số tiền lãi từ 20/01/2017 đến 20/12/2020.

Trong khi đó ông S cho rằng ngoài 2 lần trả vào ngày 20/01/2017 và 20/5/2017 thì vào tháng 12 năm 2017 âm lịch, ông có đến nhà ông C để trả toàn bộ tiền lãi và trả thêm 150.000.000đ tiền gốc.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả số tiền gốc còn nợ là 380.000.000đ thấy rằng: Khi hai bên vay tiền của nhau thì có viết giấy vay tiền thể hiện rõ số tiền gốc và thời hạn vay. Khi trả tiền, hai bên đã ghi rõ số tiền trả, ngày trả. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền gốc mà bị đơn đang nợ. Việc bị đơn cho rằng đã trả thêm cho nguyên đơn 150.000.000đ vào tháng 12 năm 2017 âm lịch nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận số tiền gốc ông Nguyễn Văn S vay của ông Nguyễn Văn C là 580.000.000đ đã trả được 200.000.000đ, còn nợ số tiền 380.000.000đ(ba trăm tám mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu về lãi suất: khi vay, hai bên có thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên không thể hiện rõ trong giấy vay tiền. Ông C cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 20%/1 năm nhưng ông S cho rằng lãi suất là 1.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tuy nhiên cả hai bên không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

Trên cơ sở lời khai của hai bên thấy rằng: đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Tuy nhiên lãi suất có sự tranh chấp. Vì vậy được xác định lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Khi khởi kiện, ông Nguyễn Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S phải trả số tiền lãi tính từ ngày 20/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 20%/1 năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S phải thanh toán số tiền lãi là 10%/1 năm kể từ ngày 20/5/2017 cho đến ngày 20/12/2020 tương ứng với số tiền gốc ông S còn nợ ông C.

Xét yêu cầu về lãi suất của ông Nguyễn Văn C thấy rằng: yêu cầu của ông về lãi suất là không vượt quá yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy có cơ sở chấp nhận. Số tiền lãi từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/5/2017 là: 480.000.000đ x 10%/1 năm x 04 tháng = 16.000.000đ(mười sáu triệu đồng); Số tiền lãi từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/12/2020 là: 380.000.000đ x 10%/1 năm x 43 tháng = 136.166.000đ. Tổng số tiền lãi từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/12/2020 là 152.166.000đ(một trăm năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã thu cho ông Nguyễn Văn C.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn S trú tại: Chợ H, xã MN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa phải trả cho ông Nguyễn Văn C, trú tại: Số nhà 523 đường LS, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa số tiền gốc là 380.000.000đ; số tiền lãi là 152.166.000đ. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 532.166.000đ (Năm trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Văn S phải chịu 25.286.600đ (hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí DSST.

2.2. Trả lại cho ông Nguyễn Văn C 15.943.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002087 ngày 10/12/2019.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng bị đợn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh